TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Văn Bào

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Chi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Thị T- Kiểm sát viênNgày 16/8/2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-DS ngày 29/7/2024 giữa:

-Nguyên đơn: *Ông Nguyễn Văn V, sinh ngày 20/5/1964 (có mặt)*

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

-Bị đơn: *Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953 (xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: TDP T, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M:

Bà Nguyễn Thị M1 - Trợ giúp viên pháp lý - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Tỉnh B. (có mặt)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (vợ ông V) (xin xét xử vắng mặt)

(Do ông Nguyễn Văn V đại diện theo ủy quyền)

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/6/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Do có mối quan hệ nên ngày 06/7/2018 âm lịch (tức 16/8/2018 dương lịch), ông có cho bà M vay số tiền 185.000.000 đồng, mục đích vay để bà M cho người khác vay, lãi thỏa thuận bằng miệng là 9%/năm, không ghi vào văn bản, thời hạn trả thỏa thuận bằng miệng là 03 tháng thì trả, không ghi vào trong biên bản. Ông xác định bà M đã trả được 15.000.000 đồng tiền lãi, còn số tiền gốc thì chưa trả được ít nào. Ông xác định đây là nợ riêng của bà M và là tài sản riêng của cá nhân ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà M trả cho cá nhân ông số tiền gốc là 185.000.000 đồng và lãi 9%/ năm tính từ ngày 06/7/2018 âm lịch (tức 16/8/2018

dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông V có mặt và giữ nguyên yêu cầu của mình. Ông thay đổi mức lãi suất, trong đơn khởi kiện ông yêu cầu tính mức lãi suất 9%/ năm, nay ông chỉ yêu cầu tính lãi suất mức 6%/ năm, và xác định bà M đã trả được cho ông số tiền lãi 18.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà xác định có vay của ông V số tiền 185.000.000 đồng, mục đích vay cá nhân, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 06/7/2018 âm lịch, lãi thỏa thuận 2.000 đồng/ngày/1 triệu. Khi vay tiền lãi hàng tháng trả cho ông V, đưa bằng tiền mặt, bà xác định trả tiền lãi khoảng 200.000.000 đồng, còn tiền gốc bà xác định chưa trả được ít nào. Nay ông V khởi kiện bà trả số tiền gốc 185.000.000 đồng và lãi 9%/năm tính từ ngày 06/7/2018 âm lịch (tức 16/8/2018 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì bà không đồng ý trả vì bà xác định tiền lãi bà trả nhiều và do hoàn cảnh khó khăn không trả được.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D vợ ông V nhất trí với phần trình bày của ông V và uỷ quyền cho ông V.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M2: Về số tiền gốc bà không có ý kiến gì, số tiền lãi bà xin miễn vì hoàn cảnh bà M2 rất khó khăn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V

1. Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền gốc là 185.000.000 đồng và lãi 48.600.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 233.600.000 đồng (Hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng)

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi và thuộc hộ nghèo.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt và xin vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền gốc 185.000.000 đồng và lãi thì thấy: Các

đương sự trong vụ án đều xác định bà M có vay của ông V số tiền gốc là 185.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền. Bà M trình bày đã trả lãi khoảng 200.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi, còn gốc thì chưa trả được ít nào, còn ông V xác định bà M chưa trả được số tiền gốc và đã trả được 15.000.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền lãi bà M trình bày đã trả được 200.000.000 đồng tiền mặt nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc trả lãi, còn ông V xác định đã trả được 18.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi bà M đưa ra không có căn cứ chấp nhận. Như vậy, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay ông V yêu cầu bà M phải trả cả gốc và lãi từ ngày 06/7/2018 âm lịch (tức 16/8/2018 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông V xác định là nợ riêng của bà M, vì xác định bà M vay cho người khác vay và là tài sản riêng ông V. Do vậy, buộc cá nhân bà M có nghĩa vụ trả cho ông V là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại giấy biên nhận vay tiền đều không ghi mức lãi, phía nguyên đơn trình bày mức lãi cho vay là 09%/năm, còn bà M trình bày lãi ngày, như vậy là hợp đồng vay có lãi, các bên đều thừa nhận vay có lãi. Tại phiên tòa ông V thay đổi mức lãi suất là 6%/ năm, xét thấy việc thay đổi mức lãi suất là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận, thời gian tính lãi từ ngày 06/7/2018 âm lịch (tức 16/8/2018 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 6 năm là 66.600.000đồng. Xác định bà mẫu đã trả được 18.000.000 đồng, còn 48.600.000 đồng. (Hai trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng)

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà được miễn án phí dân sự do thuộc đối tượng người cao tuổi và hộ nghèo.

Ông Nguyễn Văn V được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227;Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1- Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền gốc là 185.000.000 đồng và lãi 48.600.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 233.600.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi và thuộc hộ nghèo .

Ông Nguyễn Văn V được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự